TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH KIÊN GIANG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ	*Kiên Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký HKTT: Số 651 N, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú hiện tại: 10 S MAY WA 6051 AUSTRALIA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 36 H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị X, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Số 1081D/10 L, phường A, Tp. R, tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 198 T, quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Công T và bà Lâm Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Lâm Thị X đều thống nhất xác định ông Nguyễn Công T và bà Lâm Thị X có tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất diện tích 148,3 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 675731, số vào sổ cấp GCN: CH004431 do UBND TP. Rạch Giá cấp ngày 24/9/2012, biến động sang tên ông Nguyễn Công T và bà Lâm Thị X ngày 22/10/2013; nhà và đất tọa lạc tại số 1081D/10 L, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

* Về nợ chung: Các bên đương sự đều thống nhất xác định ông Nguyễn Công T và bà Lâm Thị X có nợ của Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Kiên Giang các khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 0178/17/TD04/RG ngày 01/3/2017 là 120.000.000 đồng, tính dư nợ đến ngày 19/01/2021 là 59.616.226 đồng, trong đó nợ gốc 48.000.000 đồng, lãi trong hạn 11.031.832 đồng, lãi quá hạn 584.394 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0739/18/TD04/RG ngày 25/7/2019 là 300.000.000 đồng, dư nợ tính ngày 19/01/2021, trong đó nợ gốc 285.000.000 đồng, lãi trong hạn 64.792.583 đồng, lãi quá hạn 3.112.928 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 19/01/2021 là 412.521.737 đồng (làm tròn 412.521.000 đồng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Công T và bị đơn bà Lâm Thị X cùng người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Kiên Giang thống nhất thỏa thuận như sau:

- Thống nhất tài sản tranh chấp là nhà đất tại địa chỉ số 1081D/10 L, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang có giá trị là 1.662.049.000 (một tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn) đồng. Vào ngày 12/04/2021, bà Lâm Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 333.000.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu) đồng, tổng tiền lãi của hai hợp đồng tạm tính đến ngày 19/01/2021 là 79.521.737 (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng; tổng cộng gốc lãi là 412.521.000 (bốn trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn) đồng. Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2021 bà X có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Trong trường hợp đến hết ngày 12/04/2021 bà X chưa thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Vào ngày 12/04/2021, bà X có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Công T giá trị tài sản chung (sau khi đã thanh toán nợ cho Ngân hàng) số tiền là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng; bà X được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là nhà và đất diện tích 148,3 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 675731, số vào sổ cấp GCN: CH004431 do UBND TP. Rạch Giá cấp ngày 24/9/2012, biến động sang tên ông Nguyễn Công T và bà Lâm Thị X ngày 22/10/2013; nhà và đất tọa lạc tại số 1081D/10 L, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Công T chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông T phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được chia (sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nợ của Ngân hàng) 600.000.000 đồng là {20.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 4%)}: 50% = 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Bà Lâm Thị X phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; bà X phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được chia (sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nợ của Ngân hàng) 649.528.000 đồng là {20.000.000 đồng + (249.528.000 đồng x 4%)} : 50% = 14.990.560 đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng);

Về án phí đối với khoản tiền nợ vay của Ngân hàng là {20.000.000 đồng + (12.521.000 đồng x 4%)} : 50% = 10.250.434 đồng (làm tròn 10.250.000 đồng); đại diện hợp pháp của ông T và bà X thỏa thuận ông T và bà X mỗi người chịu ½ số tiền án phí là 5.125.000 đồng.

Như vậy, ông T phải chịu án phí với tổng số tiền là 19.275.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0004699 ngày 08/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang và 12.700.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0007129 ngày 05/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang; ông T còn phải nộp thêm số tiền 6.275.000 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà X phải chịu tổng số tiền án phí là 20.265.560 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Kiên Giang số tiền 8.628.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004247 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông T tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án tỉnh Kiên Giang;
- UBND thực hiện ĐKKT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Út Mẫn